

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2026

*Về việc “Không công nhận là
vợ chồng, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng, ông Lê Khải .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng Hải, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025, về “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1984, vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi đăng ký thường trú: 131 N, phường P, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư T, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Kim L, sinh năm 1991, vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon U, xã C, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn ông Nguyễn Thế H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị Kim L không đăng ký kết hôn mà tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng. Bà L và ông H chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay, bà L và ông H tự nguyện chung sống với nhau và không bị ép buộc. Ông H và bà L có 01 con chung, cháu Nguyễn Thế T, sinh ngày 05/10/2022, cháu đang còn nhỏ. Hiện nay, cháu T đang

ở với bố mẹ là ông H và bà L tại khu dân cư thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Trong thời gian chung sống với nhau, giữa ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị Kim L phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn nữa. Do không đăng ký kết hôn, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng nên nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa ông H và bà L là vợ chồng.

- Về con chung: Ông H và bà L có 01 con chung Nguyễn Thế T, sinh ngày 05/10/2022. Ông Nguyễn Thế H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thế T, sinh ngày 05/10/2022 đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con ông H không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị Kim L trình bày:** Ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị Kim L không đăng ký kết hôn mà tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2021 đến nay, bà L và ông H tự nguyện chung sống với nhau và không bị ép buộc.

Ông H và bà L có 01 con chung, cháu Nguyễn Thế T, sinh ngày 05/10/2022, cháu đang còn nhỏ. Hiện nay, cháu T đang ở với ông H và bà L – tại Khu dân cư thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Trong thời gian chung sống với nhau, giữa ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị Kim L phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế H:

- Bà L đồng ý với ý kiến của ông H không công nhận giữa ông H và bà L là vợ chồng.

- Về con chung: Bà L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thế T, sinh ngày 05/10/2022 đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Lâm Đồng tham gia phiên toà kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Căn cứ các khoản 7, 8 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: bản sao giấy khai sinh của con chung Nguyễn Thế T; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Toyota Fortuner BKS 51K-699.1 mang tên Nguyễn Thế H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 845252, thửa đất

số 21, tờ bản đồ số 82, diện tích: 12439 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 845251 thửa đất số 07, tờ bản đồ số 82, diện tích: 7179 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 230150 tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 78, diện tích: 6629,6 m², các thửa đất có địa chỉ tại thôn D, xã T, tỉnh Lâm Đồng đều mang tên ông Nguyễn Thế H và bà Huỳnh Thị Bích N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Thế H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị Kim L là vợ chồng, tranh chấp nuôi con. Bị đơn bà Ngô Thị Kim L có nơi cư trú tại Bon U, xã C, tỉnh Lâm Đồng Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị Kim L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H, bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị Kim L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2021 đến nay không đăng ký kết hôn, trong khi ông H và bà L có đầy đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông bà chung sống như vợ chồng từ năm 2021 cho đến khi xảy ra mâu thuẫn trầm trọng mà không đăng ký kết hôn, vì vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*...”. Từ những quy định của pháp luật nêu trên, cần tuyên bố ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị Kim L không phải là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông H và bà L thừa nhận có 01 con chung là Nguyễn Thế T, sinh ngày 05/10/2022. Ông H và bà L đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thế T cho đến khi đủ 18 tuổi.

Xét điều kiện thực tế của các bên, ông H có nơi ở ổn định, có khả năng lao động và điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cụ thể ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ: Ông H là chủ sử dụng một phần quyền sử dụng đất theo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 845252, thửa đất số 21, tờ bản đồ số 82, diện tích: 12439 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 845251 thửa

đất số 07, tờ bản đồ số 82, diện tích: 7179 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 230150 tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 78, diện tích: 6629,6 m², các thửa đất có địa chỉ tại thôn D, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Ông H là chủ sử dụng xe ô tô Toyota Fortuner BKS 51K-699.1. Lời khai của ông H đang làm nông trên đất của cá nhân và đất của mẹ ông H, thu nhập bình quân 01 tháng khoảng 50.000.000 đồng/tháng; lời khai của bà L đang ở chung nhà với ông H và cháu T tại nhà của ông H tại Khu dân cư thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng, bà L làm nghề buôn bán rau, củ quả thu nhập khoảng 500.000 đồng/tháng.

Xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, đồng thời bảo đảm quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung. Do đó, căn cứ điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn cần giao con chung Nguyễn Thế T, sinh ngày 05/10/2022 cho ông Nguyễn Thế H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H, bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Ông H, bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3.] Về án phí: Ông Nguyễn Thế H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Điều 266; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14, 15 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng đối với ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị Kim L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thế T, sinh ngày 05/10/2022 cho ông Nguyễn Thế H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Bà Ngô Thị Kim L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, ông H không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại các Điều 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thế H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010598 ngày 16/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 9-Lâm Đồng
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Nhi